

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 52/2017/HSST
Ngày 28/9/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao- CB nghỉ hưu tại TT. Hoàn Lão, Bố Trạch

Bà Nguyễn Thị Hải - CB nghỉ hưu tại TT. Hoàn Lão, Bố Trạch.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B - tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 51/2017/HSST ngày 24/8/2017 đối với các bị cáo:

1. **Đào Văn N**; sinh ngày 28 tháng 12 năm 1975 tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Đào Văn K (đã chết); con bà Đào Thị R, sinh năm 1936; vợ Đào Thị L, sinh năm 1977; con: có 03 đứa (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Cao Tiến L**; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1987 tại huyện M, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: công nhân Lâm trường B; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Cao Đức T, sinh năm 1958; con bà Đinh Thị T, sinh năm 1958; vợ Đinh Thế D, sinh năm 1990; con: có 01 đứa sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Văn T**, tên gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 4 năm 1986 tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Lê Văn L, sinh năm 1952; con bà Đào Thị L, sinh năm 1957; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Phạm Văn B**, tên gọi khác: không; sinh ngày 10 tháng 01 năm 1982 tại huyện B, Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: nhân viên Lâm trường B; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Văn Y, sinh năm 1960; con bà Ngô Thị C, sinh năm 1961; vợ Nguyễn Thị S, sinh năm 1984; con: có 02 đứa (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T và Phạm Văn B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 01/3/2017, Đào Văn N điều khiển xe mô tô Wave RS, BKS 73L1 - 7353 chở Cao Tiến L đi kiểm tra xung quanh Lâm trường. Khi đến hào ranh giới sát công rừng do Lâm trường B quản lý thuộc tiểu khu 236, thôn 10, xã X, huyện B thì phát hiện 01 con trâu đực, khoảng 02 năm tuổi, lông màu đen, nặng khoảng 80kg của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L bị mắc kẹt dưới mương nước, N và L bắt trộm trâu về mổ thịt ăn. Nam điện thoại gọi Lê Văn T ra cùng khênh trâu. Cả ba cùng khênh trâu lên xe mô tô chở về lán. Khi N chở trâu về lán của Lâm trường gặp Phạm Văn B, B hỏi “chở trâu mô vô đó?”, N trả lời “trâu ngoài công”, B hiểu ý trâu do trộm của dân. N chở trâu xuống khe suối cách lán khoảng 20m mổ thịt. N trực tiếp mổ trâu còn T và L phụ giúp. L và B đưa đầu, chân, da và nội tạng đào hổ gần lán chôn, N mổ lấy 02kg thịt luộc ăn, phần còn lại bỏ vào bao lác dìm xuống khe nước để ăn dần. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N, L, T và B gọi Nguyễn Văn H, Đặng Thái B và Đào Văn X cùng nhậu và ăn thịt trâu. Ngày 04/3/2017, ông H đi tìm thì phát hiện chỗ chôn đầu, chân, da và nội tạng trâu ở khe nước cạnh lán công nhân Lâm trường. Kết luận định giá xác định con trâu bị chiếm đoạt trị giá 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Thu giữ 01 xe mô tô Honda Wave RS BKS 73L1-7353; 01 con dao làm từ lưỡi cưa chiều dài lưỡi 23cm, cán bằng ống sắt dài 10cm; 01 con dao lưỡi dài 29cm, cán bằng gỗ dài 14,5cm; 01 con dao phay lưỡi dài 27cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 12.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 54/THQC- KSĐT ngày 23/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (BLHS) và Phạm Văn B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999: xử phạt Đào Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử

thách từ 24 tháng đến 30 tháng; Cao Tiến L từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Lê Văn T từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; áp dụng khoản 1 điều 250; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự 1999: xử phạt Phạm Văn B từ 07 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Ý kiến của các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T và Phạm Văn B thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của đại diện viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ và được cải tạo giáo dục tại địa phương để có điều kiện giúp đỡ gia đình.

Ý kiến của người bị hại ông Phạm Văn H: Các bị cáo đã ăn năn hối cải và đã bồi thường đầy đủ tài sản bị thiệt hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

Tại phiên tòa các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T và Phạm Văn B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tranh luận tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 01/3/2017, Đào Văn N điều khiển xe mô tô chở Cao Tiến L đi kiểm tra xung quanh Lâm trường. Khi đến hào ranh giới sát cổng rừng do Lâm trường B quản lý thuộc tiểu khu 236, thôn 10, xã X, huyện B thì phát hiện 01 con trâu, nặng khoảng 80kg bị mắc kẹt dưới mương nước, N rủ L bắt trộm trâu về mổ thịt ăn. N điện thoại gọi Lê Văn T ra cùng khênh trâu. Cả ba cùng khênh trâu lên xe mô tô chở về lán. Khi N chở trâu về lán của Lâm trường gặp Phạm Văn B, B hỏi “chở trâu mô vô đó?”, N trả lời “trâu ngoài cổng”, B hiểu ý trâu do trộm của dân. N chở trâu xuống khe suối trực tiếp mổ trâu còn T và L phụ giúp. L và B đưa đầu, chân, da và nội tạng đào hổ chôn, sau đó cùng hưởng lợi từ số thịt trâu trên. Như vậy hành vi của các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T lén lút bắt trộm 01 con trâu trị giá 12.000.000 đồng, còn Phạm Văn B biết rõ con trâu trên do N, L, T trộm cắp mà có nhưng đã giúp sức chôn dấu các bộ phận và hưởng lợi từ số thịt trâu. Do đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 và Phạm Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999. Trong vụ án này có 03 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản nhưng với tổ chức đơn giản nên xét xử các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 là đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch và lời luận tội của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm tài sản của ông H, bà L mà còn gây tác động xấu đến trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người bị hại và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Có bị cáo còn xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng.

Xét quá trình nhân thân, hành vi, mức độ và hậu quả phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Đối với Đào Văn N là người khởi xướng việc bắt trộm trâu và cũng là người trực tiếp gọi điện thoại cho T đến giúp sức chở trâu về mổ lấy thịt ăn. Như vậy trong vụ án này N chính là người thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và mức hình phạt phải cao hơn so với các bị cáo L và T.

Đối với Cao Tiến L và Lê Văn T khi nghe N khởi xướng bắt trộm trâu đáng lẽ L và T phải khuyên can N từ bỏ hành vi phạm tội, nhưng ngược lại các bị cáo đồng ý ngay và cùng N khênh trâu lên xe mô tô chở về lán phụ giúp N mổ thịt và cùng nhau hưởng lợi. Do đó cần xét xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và vai trò mà các bị cáo gây ra.

Đối với Phạm Văn B là cán bộ Lâm trường khi thấy N, L, T chở trâu về và biết các bị cáo đã bắt trộm trâu của người khác, đáng lẽ B phải thể hiện vai trò của bản thân khuyên can các bị cáo, nhưng ngược lại bị cáo cùng giúp thực hiện hành vi chôn giấu các bộ phận và cùng hưởng lợi thịt trâu. Như vậy thể hiện thiếu ý thức, xem thường pháp luật với vậy cần phải được xử lý nghiêm.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương; bị cáo L đã có thành tích giúp dân vượt qua thiên tai, khắc phục hậu quả trong đợt lũ năm 2010; bị cáo B có thành tích trong quá trình công tác được tặng giấy khen. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho tất cả các bị cáo để giảm nhẹ một phần về hình phạt. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi ở ổn định nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 60 BLHS 1999 cho bị cáo N, L và T được cải tạo giáo dục tại địa phương là đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung; bị cáo B được áp dụng Điều 30 Bộ luật hình sự hưởng hình phạt tiền là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn H, Đặng Thái B và Đào Văn X tham gia ăn thịt trâu nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý nhưng cũng cần nhắc nhở, rút kinh nghiệm nhằm phòng ngừa chung.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ 01 xe mô tô Honda Wave RS BKS 73L1 - 7353, là tài sản bị cáo N mượn của anh Phạm Văn T để sử dụng nhưng khi bị cáo dùng vào việc phạm tội anh T không biết; 01 con dao làm từ lưỡi cưa chiều dài lưỡi 23cm, cán bằng ống sắt dài 10cm và 01 con dao lưỡi dài 29cm, cán bằng gỗ dài 14,5cm là tài sản của công nhân lâm trường N dùng vào việc phạm tội nhưng họ không biết do đó cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét. Hiện còn tạm giữ 01 con dao phay lưỡi dài 27cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm là tài sản của bị cáo N đã sử dụng vào việc phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 12.000.000đ, gia đình người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T và Phạm Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L và Lê Văn T. Xử phạt các bị cáo:

- Đào Văn N 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2017).

- Cao Tiến L 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2017).

- Lê Văn T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999: xử phạt Phạm Văn B 07 (Bảy) triệu đồng

Giao bị cáo Đào Văn N và Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Giao bị cáo Cao Tiến L cho Lâm trường huyện B, tỉnh Quảng Bình và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L và Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng: Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01(Một) con dao phay lưỡi dài 27cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm (Vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên bản giao nhận ngày 25/8/2017)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của buộc bị cáo Đào Văn N, Cao Tiến L, Lê Văn T và Phạm Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2017) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TA tỉnh QB.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS huyện B.
- CA huyện B.
- THA huyện B.
- THA phạt tù
- Lưu HS,
- Lưu TA.
- Bị cáo.
- Người bị hại
- Sở tư pháp Quảng Bình.
- UBND xã H, N, X
- Lâm trường B
- UB Kiểm tra Đảng ủy
khối Doanh nghiệp QB.

Nguyễn Phúc Nam